

Bản án số: **108/2020/HS-PT**

Ngày: 22 - 5 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Thông;**

Các Thẩm phán: Ông **Trương Minh Tuấn;**

Ông **Mai Xuân Thành.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Nam Anh**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 98/2020/TLPT-HS ngày 08 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo **Nguyễn Thị Lệ H** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2019/HS-ST ngày 27-11-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 801/2020/QĐXXPT-HS ngày 04 tháng 5 năm 2020.

- *Bị cáo bị kháng cáo:*

Nguyễn Thị Lệ H - Sinh năm: 1981 tại Bình Định; Trú tại: Tp. Q, Bình Định; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 11/12; con ông: Nguyễn Song C – sinh năm: 1943 và bà Châu Thị Mỹ L – sinh năm: 1957; chồng: Nguyễn T D, sinh năm 1979; có hai con, lớn 20 tuổi, nhỏ 18 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 09/5/2019. Có mặt.

Người bào chữa: Luật sư Nguyễn Văn T – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư T, Đoàn luật sư tỉnh Bình Định bào chữa cho bị cáo; Có mặt.

- *Bị hại:*

1. Ông Nguyễn Thanh D – Sinh năm: 1985. Có mặt.

Trú tại: Phú Yên.

2. Bà Nguyễn Thị T – Sinh năm: 1982. Có mặt.

Trú tại: Tp. Q, Bình Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nguyễn Thanh D và Nguyễn Thị T: Luật sư Bùi Văn P - Công ty Luật TNHH MTV P, Đoàn luật sư tỉnh Bình Định. Có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Bích L – Sinh năm: 1972. Vắng mặt.

Trú tại: Tp. Q, Bình Định.

4. Bà Lê Thị Thúy H – Sinh năm: 1974. Vắng mặt.

Trú tại: Bình Định

5. Công ty TNHH Dịch vụ vận tải N.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đặng T S – Giám đốc; Vắng mặt.

Trú tại: Tp. Q, Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2004, Nguyễn Thị Lệ H mở cửa hàng tạp hóa buôn bán bia, nước giải khát tại nhà cha mẹ ruột ở TP. Q, tỉnh Bình Định. Trong quá trình buôn bán, do H không nắm bắt thị trường dẫn đến thua lỗ, thâm hụt vốn. Để có tiền tiếp tục kinh doanh và trả nợ cho người khác, Nguyễn Thị Lệ H đã nảy sinh ý định gian dối đưa ra các thông tin không đúng sự thật cho rằng mình có nguồn bia Tiger, Sài Gòn và nước ngọt giá rẻ hơn trên thị trường, khách hàng muốn mua thì đặt cọc tiền trước rồi nhận hàng sau hoặc đặt cọc tiền trước cuối năm nhận lại cọc được ưu tiên. Để các chủ đại lý tin, sau khi nhận tiền đặt cọc, H đến các siêu thị, cửa hàng, đại lý khác trên địa bàn thành phố Q, huyện T, tỉnh Bình Định mua bia, nước ngọt theo giá thị trường rồi đem bán cho các chủ đại lý với giá thấp như theo thỏa thuận. Bằng thủ đoạn này, H đã tạo được sự tin tưởng nên các chủ đại lý đã tin tưởng giao tiền đặt cọc cho H nhiều lần hoặc cho H vay để H chiếm đoạt tiền trả nợ cũ rồi sau đó không giao đủ số lượng bia, nước ngọt cho các khách hàng mà chiếm đoạt số tiền đặt cọc. Bằng phương thức trên, từ năm 2016 đến tháng 5/2017, H đã lừa đảo chiếm đoạt tiền của 05 bị hại với tổng số tiền 3.339.020.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Vụ thứ nhất:

Khoảng tháng 8 năm 2016, lợi dụng mối quan hệ quen biết với anh Nguyễn Thanh D, Nguyễn Thị Lệ H đưa ra thông tin với anh D có nguồn bia giá rẻ, D muốn mua bia từ H thì phải đưa tiền trước, khoảng 05 đến 07 ngày sau H sẽ giao hàng. Anh D tin tưởng đã đưa tiền cho H để mua bia, ban đầu sau khi nhận tiền hàng giao hàng đầy đủ, đúng hạn nên anh D tin tưởng tiếp tục giao tiền để đặt mua lô hàng tiếp theo. Vì vậy, trong khoảng thời gian từ 10/5/2017 đến ngày 24/5/2017, H đã nhận của anh D nhiều lần tiền đặt mua hàng nhưng chỉ thực hiện giao một phần hoặc không giao hàng như thỏa thuận mà chiếm đoạt tiền của anh D trốn khỏi địa phương, cụ thể:

- Ngày 10/5/2017, H nhận của anh D 600 thùng nước giải khát loại RedBull với tổng số tiền 116.400.000 đồng, đến ngày 20/5/2017, H giao trả cho anh D 50 thùng. Còn lại 550 thùng không giao mà chiếm đoạt tương ứng số tiền 106.700.000 đồng.

- Ngày 17/5/2017, H nhận tiền của anh D 500 thùng bia Sài Gòn tương ứng 92.000.000 đồng, đến ngày 24/5/2017 H giao cho anh D 450 thùng, còn lại chiếm đoạt 50 thùng tương ứng số tiền 9.200.000 đồng.

- Ngày 19/5/2017, H nhận đặt cọc của anh D 600 thùng nước giải khát Redbull với số tiền 116.400.000 đồng và 500 thùng bia Sài Gòn với số tiền 92.000.000 đồng, tổng số tiền H nhận của D là 208.400.000 đồng. Sau khi nhận tiền, H chiếm đoạt không giao hàng cho anh D.

- Ngày 20/5/2017, H nhận của anh D tiền mua 2.500 thùng bia Sài Gòn và 400 thùng bia Tiger với tổng cộng số tiền 596.250.000 đồng. Sau khi nhận tiền, H chiếm đoạt sử dụng không giao hàng cho anh D.

- Ngày 22/5/2017, H nhận của anh D đặt mua 500 thùng bia Sài Gòn với tổng số tiền 92.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, H chiếm đoạt không giao hàng cho anh D.

- Ngày 24/5/2017, H nhận của anh D đặt mua 1.000 thùng bia Sài Gòn với tổng số tiền 184.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, H chiếm đoạt không giao hàng cho anh D.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Thị Lệ H đã nhận của anh Nguyễn Thanh D đặt mua bia, nước giải khát sau đó chiếm đoạt không giao hàng cho anh D là 1.196.550.000 đồng.

2. Vụ thứ hai:

Cuối năm 2016, H nói dối với chị Nguyễn Thị T bản thân có người quen làm trong nhà máy bia nên có nguồn hàng bia rẻ hơn so với thị trường, nếu

muốn mua thì đặt cọc tiền trước và nhận hàng sau. Chị T tưởng thật nên nhiều lần đưa tiền cọc cho H mua bia và sau đó H đã giao bia đầy đủ cho chị T. Đến năm 2017, Nguyễn Thị Lệ H bảo chị T phải đưa tiền trước để đặt cọc mua bia, hàng ngày khi H giao bia thì T phải thanh toán tiền đầy đủ cho H theo số lượng giao thực tế, còn tiền đặt cọc thì đến ngày 31/12/2017, H sẽ trả lại, chị T đồng ý. Trên cơ sở đó, trong khoảng thời gian từ ngày 02/01/2017 đến ngày 22/3/2017, H đã ký với T 06 hợp đồng mua bán, nội dung cụ thể như sau:

- Hợp đồng số 01/2017 ngày 02/01/2017: Số lượng hàng hóa mua bán là 1.000 thùng bia Tiger, trị giá 276.000.000 đồng, Nguyễn Thị Lệ H (bên A) đã ký, nhận đủ tiền.

- Hợp đồng số 02/2017 ngày 02/01/2017: Số lượng hàng hóa mua bán là 2.000 thùng bia Tiger, trị giá 573.700.000 đồng, Nguyễn Thị Lệ H (bên A) đã ký, nhận đủ tiền.

- Hợp đồng số 03/2017 ngày 02/01/2017: Số lượng hàng hóa mua bán là 2.120 thùng bia Sài Gòn, trị giá 419.120.000 đồng, Nguyễn Thị Lệ H (bên A) đã ký, nhận đủ tiền.

- Hợp đồng số 04/2017 ngày 12/01/2017: Số lượng hàng hóa mua bán là 1.000 thùng bia Sài Gòn, trị giá 191.500.000 đồng, Nguyễn Thị Lệ H (bên A) đã ký, nhận đủ tiền.

- Hợp đồng số 05/2017 ngày 15/3/2017: Số lượng hàng hóa mua bán là 700 thùng bia Tiger, trị giá 189.000.000 đồng, Nguyễn Thị Lệ H (bên A) đã ký, nhận đủ tiền.

- Hợp đồng số 06/2017 ngày 22/3/2017: Số lượng hàng hóa mua bán là 300 thùng bia Tiger, trị giá 81.000.000 đồng, Nguyễn Thị Lệ H (bên A) đã ký, nhận đủ tiền.

Tổng cộng số tiền Nguyễn Thị Lệ H đã nhận của chị Nguyễn Thị T để đặt cọc từ 06 hợp đồng trên là 1.730.320.000 đồng. Sau khi nhận tiền, đến cuối tháng 5/2017, H bỏ trốn, không thanh toán lại cho chị T mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên.

3. Vụ thứ ba:

Công ty NHHH dịch vụ tổng hợp vận tải N, do ông Đặng T S – Giám đốc; có trụ sở đặt tại: TP.Q, tỉnh Bình Định hoạt động kinh doanh mua bán bia, nước giải khát. Từ năm 2015, Nguyễn Thị Lệ H đã mua bia của công ty N với phương thức khi mua bia H phải thanh toán tiền mặt ngay, nếu chậm thì ngày hôm sau H phải thanh toán cho công ty. Đến ngày 24/5/2017, do áp lực đòi nợ nên H nổi

dối với Đặng T S mua nợ 800 thùng bia Sài Gòn và hẹn ngày hôm sau sẽ trả tiền đầy đủ nên làm cho ông Đặng T S tin tưởng đồng ý giao cho H 800 thùng bia Sài Gòn thành tiền 165.600.000 đồng. Sau khi nhận được 800 thùng bia thì H không thanh toán tiền cho Công ty N mà chiếm đoạt số tiền nêu trên. (BL 249 đến 250, 168 đến 169).

4. Vụ thứ tư:

Nguyễn Thị Lệ H quen biết với Nguyễn Thị Bích L thông qua Đinh Thị Thái H (người mua bia của H). Trong năm 2016, do H cần tiền mua bia trả nợ cho người khác mà đã nhận tiền đặt cọc trước đó nên nói H dẫn H đến gặp bà L để vay tiền. H nói dối với bà L cần vay tiền để mua bia giá rẻ, khi nào cần sẽ trả lại nên ngày 17/5/2016 và ngày 18/11/2016, Nguyễn Thị Bích L cho Nguyễn Thị Lệ H vay tổng cộng số tiền 190.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, H sử dụng chi trả lãi cho bà L số tiền 9.000.000 đồng, còn lại 181.000.000đ sử dụng cá nhân, nhưng không chứng minh được việc sử dụng tiền này vào mục đích gì.

5. Vụ thứ năm:

Bà Lê Thị Thúy H có tiệm tạp hóa buôn bán tại nhà ở thôn Phú Mỹ 1, xã Phước Lộc, huyện T, tỉnh Bình Định. Năm 2016, thông qua việc buôn bán, H có nghe thông tin Nguyễn Thị Lệ H có bán bia giá rẻ nên tìm đến H để mua bia về bán lại kiếm lời. H nói dối H có người quen làm trong nhà máy bia nên được mua bia giá rẻ và muốn vậy phải giao tiền trước vài ngày sau H sẽ giao bia. Do có sự tin tưởng nên H đã nhiều lần đặt cọc tiền mua bia và H đã giao bia đầy đủ, đúng như thỏa thuận, nhưng khi nhận tiền của bà H, H chỉ giao 1 phần hoặc không giao bia theo đúng hẹn mà bỏ trốn chiếm đoạt tiền của bà H, cụ thể như sau:

- Ngày 13/9/2016, Nguyễn Thị Lệ H nhận của bà H số tiền 85.500.000 đồng để đặt mua 300 thùng bia Tiger. Đến ngày 02/10/2016 và ngày 03/12/2016, H giao cho bà H 170 thùng bia, còn lại H chiếm đoạt của bà H 130 thùng bia, tương ứng số tiền 37.050.000 đồng.

- Ngày 23/9/2016, Nguyễn Thị Lệ H nhận của bà H số tiền 28.500.000 đồng để đặt mua 100 thùng bia Tiger. Sau khi nhận tiền, hằng không giao bia cho bà H mà bỏ trốn chiếm đoạt toàn bộ số tiền 28.500.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Thị Lệ H đã nhận của bà Lê Thị Thúy H đặt mua bia, nước giải khát sau đó chiếm đoạt của bà H là 65.550.000 đồng.

Ngày 22/10/2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Định đã giám định và kết luận: Tại dòng 04 trang 06 của quyển Red Bull, tại dòng 10 trang 17 và trang 18 trên quyển sổ ký nhận bia 2007 (SGC); tại dòng 13 trang

20, dòng 05 và dòng 08 trang 32 trên quyển QNC Book2 với chữ ký trên Bản khai nhân khẩu ghi tên Nguyễn T D, Nguyễn Thị Thùy T, Nguyễn Thị Thùy T, Nguyễn Thị Lệ H đề cùng ngày 12/11/2014 là do cùng một người viết ra. Chữ viết Nguyễn Thị Lệ H tại dòng 05, trang 02 quyển QNC Book2 với chữ viết trên Bản khai nhân khẩu ghi tên Nguyễn Thị Lệ H (ký hiệu từ M1 đến M4) là do cùng một người viết ra.

Chữ viết, chữ ký trên “Giấy mượn tiền” đề ngày 19/10/2016; “Giấy mượn tiền” đề ngày 11/4/2016 với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Lệ H (ký hiệu từ M1 đến M4) là do cùng một người viết và ký ra.

Chữ viết, chữ ký từ dòng 1 đến dòng 5 trên “Giấy mượn tiền” đề ngày 21/8/2015 với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Lệ H (ký hiệu từ M1 đến M4) là do cùng một người viết và ký ra.

Chữ viết “Tiền dẫn H đi mượn, Mượn dùm H, Tiền H mượn dì Kiểm” ở dòng 11, 12, 13 trên giấy “Gởi bia H” với chữ viết của Nguyễn Thị Lệ H (ký hiệu M1 đến M4) là không do cùng một người viết ra. (BL số: 43,44)

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Thị Lệ H khai báo không thành khẩn, không nhận thức được hành vi phạm tội đã gây ra .

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2019/HS-ST ngày 27/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Lệ H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- **Căn cứ vào:** Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

- **Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Thị Lệ H 12 (mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 09/5/2019.

* **Về dân sự:** Áp dụng Điều 584; 585 BLDS

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Lệ H phải có nghĩa vụ trả cho các bị hại:

1. Nguyễn Thanh D : 1.196.550.000 đồng.
2. Nguyễn Thị T : 1.730.320.000 đồng.
3. Đặng T S : 165.600.000 đồng.
4. Nguyễn Thị Bích L : 181.000.000 đồng.
5. Lê Thị Thúy H : 65.550.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/12/2019 bị hại Nguyễn Thanh D, Nguyễn Thị T kháng cáo yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị Lệ H phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt và phần lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Các bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày trong nội dung kháng cáo có phần đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nguyễn Thanh D, Nguyễn Thị T: Về phần kháng cáo tăng hình phạt của bị cáo đã thể hiện tại Đơn kháng cáo là “*Kháng cáo toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm*”; do bị hại không am hiểu pháp luật nên không nêu cụ thể, đầy đủ các nội dung kháng cáo. Về phần kháng cáo tính lãi suất chậm trả trên số tiền bị cáo chiếm đoạt kể từ ngày nhận tiền của bị hại; bởi vì số tiền của bị hại đưa cho bị cáo là để đầu tư, mua bán sinh lợi nhuận và nguồn tiền được huy động, vay mượn từ nhiều nguồn.

Do đó, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị hại, xem xét tăng hình phạt đối với bị cáo và buộc bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt và phần lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của các bị hại Nguyễn Thanh D, Nguyễn Thị T: Thống nhất như ý kiến của Luật sư.

Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo: Theo Thông báo về việc ngày 27/12/2019 kháng cáo của Toà án nhân dân tỉnh Bình Định chỉ thể hiện nội dung kháng cáo là buộc bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt và phần lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật không có nội dung kháng cáo tăng hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Ý kiến của bị cáo: Thống nhất như ý kiến của Luật sư.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Xét tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cho các bị hại; Toà án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lệ H 12 năm tù là phù hợp. Về phần kháng cáo tính lãi suất chậm trả trên số tiền bị cáo chiếm đoạt kể từ ngày nhận tiền của bị hại, theo tổ tụng hình sự chỉ

qui định chế tài về hình phạt, không có qui định buộc bị cáo phải trả lãi suất chậm trả trên số tiền chiếm đoạt. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị hại, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các lời khai mà bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến tháng 5/2017 bằng thủ đoạn gian dối bị cáo Nguyễn Thị Lệ H đưa ra những thông tin sai sự thật là mình có nguồn bia giá rẻ, nếu khách hàng có nhu cầu thì đặt cọc tiền cho H để H mua rồi bán lại cho các khách hàng, sau khi nhận tiền cọc của các chủ cửa hàng và đại lý nước giải khát, rồi H đến siêu thị Metro và các đại lý khác trên địa bàn thành phố Q mua bia theo giá thị trường rồi bán lại cho các chủ cửa hàng và đại lý với giá rẻ, để tạo sự tin tưởng cho khách hàng thời gian đầu H giao bia và nước ngọt giá rẻ đúng hẹn, khách hàng đặt cọc tiền tiếp cho H và cho H vay tiền sau đó H chiếm đoạt tài sản trị giá 3.339.020.000 đồng của 5 người bị hại rồi bỏ trốn. Do đó, bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định truy tố với khung hình phạt “*chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ của vụ án và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại, gây mất trật tự an toàn ở địa phương nên cần xử phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như: Các tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 2 lần trở lên là nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại cho bị hại 20.000.000 đồng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, con bị bệnh u sơ tán thái, được quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đã xử phạt bị cáo 12 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là phù hợp với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo

gây ra. Tại phiên toà phúc thẩm, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại và các bị hại trình bày kháng cáo có nội dung đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo. Xét thấy, Tuy trong Đơn kháng cáo của các bị hại ghi nội dung là kháng cáo toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm nhưng phần cuối chỉ đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét về bồi thường thiệt hại và tính lãi suất chậm trả. Tại Biên bản làm việc ngày 18/2/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Định đã hỏi rõ nội dung kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T cũng xác định chỉ kháng cáo về phần dân sự. Mặt khác, mức hình phạt 12 năm tù đối với bị cáo là phù hợp, không nhẹ; do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét kháng cáo của các bị hại về bồi thường thiệt hại tính lãi suất chậm trả trên số tiền lừa đảo chiếm đoạt của bị cáo Nguyễn Thị Lệ H, cụ thể: Nguyễn Thanh D: 1.196.550.000 đồng, Nguyễn Thị T: 1.730.320.000 đồng. Xét thấy, đối với các loại tội phạm về kinh tế, trường hợp cụ thể này là tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo cấu thành tội phạm thì bị cáo đã có hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản; do đó, giao dịch giữa hai bên là vô hiệu và hậu quả được xử lý theo Điều 131 của Bộ luật Dân sự; đối với tổ tụng dân sự bên có lỗi thì phải bồi thường thiệt hại xảy ra (nếu có); tuy nhiên, trong tố tụng hình sự, lỗi của bị cáo đã bị pháp luật trừng trị bằng chế tài hình phạt, không quy định tính lãi; chỉ quy định tính lãi suất chậm trả kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Do đó, yêu cầu kháng cáo này của các bị hại không có căn cứ chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị hại về tăng hình phạt đối với bị cáo và buộc bị cáo phải trả phần lãi suất chậm trả trên số tiền đã chiếm đoạt, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị hại Nguyễn Thanh D và Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Thanh D và Nguyễn Thị T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2019/HS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lệ H 12 (mười hai) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 09/5/2019.

3. Về dân sự: Áp dụng Điều 584 và Điều 585 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Lệ H phải có nghĩa vụ trả cho các bị hại:

- Nguyễn Thanh D: 1.196.550.000 đồng.
- Nguyễn Thị T: 1.730.320.000 đồng.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Việc thi hành án được thực hiện theo Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2019/HS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, những người bị hại phải chịu mỗi người 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo các Biên lai thu tiền số 0003782 ngày 31/12/2019 và số 0003792 ngày 17/2/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bình Định;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Định;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Thông